

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
 ĐƠN VỊ: KHOA TÀI CHÍNH- NGÂN HÀNG

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Thị trường tài chính và các định chế tài chính-Lần 2		
Mã học phần:	72FINC20013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	233_DFB0221_01		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

Giảng viên nộp đề thi, đáp án bao gồm cả **Lần 1 và Lần 2 trước ngày 05/07/2024.**

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

Gợi ý:

- SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;
- Upload file bài làm (word, excel, pdf...);
- Upload hình ảnh bài làm (chỉ những trường hợp vẽ biểu đồ, công thức tính toán đặc biệt).

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (**Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi**).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các kiến thức về hoạt động của hệ thống tài chính, vai trò của các công cụ tài chính và các tổ chức quản lý liên quan để giải quyết các tình huống trong học tập	TN	30	TN:1,2,3,5,6,7, 9,10,11,13,14,15, 17,18,19	3	
CLO2	Vận dụng các kiến thức về công cụ tài chính trên thị trường tài chính và chính sách tài chính nhằm ứng phó những rủi ro trên thị trường tài chính	TN, TL	30	TN:21,22,23,25,26,27, 29,30,31,33,34,35,37,38,39 TL: 1,2	3	
CLO4	Vận dụng tư duy	TN, TL	40	TN:4,8,12,16,20,24,28,32,36,40 TL:1,2	4	

	phản biện để phân tích, đánh giá, biện luận cho các tình huống, kịch bản của các định chế trên thị trường tài chính.					
--	--	--	--	--	--	--

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (40 câu hỏi; 0,2 điểm/câu hỏi)

Câu 1:

Các tổ chức mà hoạt động chủ yếu của chúng là đóng vai trò trung gian tài chính trong quá trình chuyển vốn từ người cho vay (nhà đầu tư) sang người đi vay được (đơn vị phát hành) gọi là:

- A. Định chế tài chính
- B. Ngân hàng thương mại
- C. Công ty tài chính
- D. Ngân hàng trung ương

ANSWER: A

Câu 2:

Điều nào sau đây giải thích cho vai trò khơi thông các nguồn tài trợ của thị trường tài chính?

- A. Thị trường tài chính vận hành như là một cơ chế để công ty, doanh nghiệp (đơn vị thiếu vốn) có thể tiếp nhận vốn từ các nhà đầu tư (đơn vị thặng dư).
- B. Thị trường tài chính là nơi liên kết các hoạt động quản trị đầu tư với các hoạt động tài chính của doanh nghiệp.
- C. Thị trường tài chính là nơi phân bổ hiệu quả các nguồn vốn làm tăng năng suất và hiệu quả cho nền kinh tế.
- D. Thị trường tài chính là nơi giúp các nhà đầu tư thực hiện liệu nên tiến hành đầu tư vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, chứng khoán do các công ty phát hành.

ANSWER: A

Câu 3:

Xác định những cách thức để một nhà quản lí tài chính của một công ty lớn, có thể vay được 10 tỷ trong 6 tháng?

- (1) Phát hành tín phiếu
- (2) Phát hành thương phiếu
- (3) Phát hành trái phiếu
- (4) Vay ngắn hạn của một định chế tài chính

A. (2) (4)

B. (1) (3)

C. (2) (3)

D. (1) (4)

ANSWER: A

Câu 4:

Xác định các giao dịch thể hiện hoạt động phát hành chứng khoán trên thị trường thứ cấp?

- (1) Công ty IBM phát hành 10 triệu cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO)
- (2) Google mua 1 triệu cổ phiếu Microsoft trên sàn New York
- (3) Công ty cổ phần Bảo hiểm AAA phát hành thêm 30 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược
- (4) Ngân hàng TMCP Á Châu mua 1 triệu trái phiếu kỳ hạn 4 năm đã được phát hành cách đây 2 năm.

A. (2) (4)

B. (1) (3)

C. (1) (4)

D. (2) (3)

ANSWER: A

Câu 5:

Một khoản vay trị giá 200 triệu đồng với lãi suất là 12%/năm. Số tiền phải trả sau 2 năm là bao nhiêu nếu ngân hàng áp dụng cách tính lãi kép và ghép lãi 6 tháng/lần?

- A. 252,50 triệu đồng

- B. 250,88 triệu đồng
 - C. 248,00 triệu đồng
 - D. Một đáp án khác
- ANSWER: A

Câu 6:

Ngân hàng niêm yết lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng là 6%/năm, nền kinh tế có mức lạm phát 7%. Nhận định nào sau đây là hợp lý:

- A. Khách hàng không nên gửi tiền vào ngân hàng
- B. Khách hàng nên gửi tiền vào ngân hàng
- C. Chưa đủ cơ sở để đưa ra nhận định
- D. Khách hàng nên gửi kỳ hạn dài hơn

ANSWER: A

Câu 7:

Một hợp đồng tín dụng có thời hạn 1 năm với lãi suất là 12%/năm. Biết rằng khách hàng trả lãi 3 tháng/lần, lãi nhập gốc. Tính lãi suất hiệu dụng?

- A. 12,55%/năm
- B. 3%/quý.
- C. 1%/tháng.
- D. Không có đáp án nào đúng.

ANSWER: A

Câu 8:

- (1) Lãi suất tiền gửi: 5%/năm;
- (2) Lãi suất cho vay: 8%/năm;
- (3) Lãi suất tái chiết khấu: 6%/năm;
- (4) Lãi suất liên ngân hàng: 2%/năm.

Hãy xác định lãi suất áp dụng lần lượt cho các giao dịch sau:

Khi thiếu vốn ngắn hạn Ngân hàng X đến vay ngân hàng Y sẽ được áp dụng lãi suất Khách hàng A gửi tiết kiệm tại ngân hàng X được chào lãi suất Trong khi khách hàng B đến ngân hàng Y vay tiền sẽ được áp dụng lãi suất..... Khách hàng C đến ngân hàng Z thế chấp trái phiếu chính phủ để vay vốn sẽ được áp dụng lãi suất

- A. (4) (1) (2) (3)
- B. (4) (2) (3) (1)
- C. (1) (2) (3) (4)
- D. (1) (3) (4) (2)

ANSWER: A

Câu 9:

Chức năng nào sau đây được thực hiện bởi NHTW?

- A. Kiểm soát cung tiền
- B. Kinh doanh ngoại hối
- C. Nhận tiền gửi
- D. Cấp tín dụng

ANSWER: A

Câu 10:

Ngân hàng trung ương là ngân hàng của các ngân hàng, thể hiện qua các nghiệp vụ:

- A. Cấp tín dụng, tổ chức thanh toán, quản lý dự trữ cho các ngân hàng thương mại.
- B. Thuộc sở hữu của nhà nước, cung cấp dịch vụ ngân hàng cho Chính phủ, thủ quỹ cho kho bạc, quản lý dự trữ quốc gia, cho Chính phủ vay.
- C. Xây dựng và thực thi chính sách tài chính quốc gia.
- D. Thanh tra, giám sát hoạt động của hệ thống tài chính.

ANSWER: A

Câu 11:

Phát biểu “NHTW độc quyền phát hành tiền” là dựa trên:

- A. NHTW là cơ quan duy nhất được phép phát hành tiền. Giấy bạc và tiền kim khí do NHTW phát hành vào lưu thông là phương tiện thanh toán hợp pháp duy nhất và không hạn chế trong cả nước
- B. NHTW là cơ quan duy nhất được phép phát hành tiền. NHTW có trách nhiệm xác định số lượng tiền cần phát hành và thời điểm phát hành.
- C. NHTW là cơ quan duy nhất được phép phát hành tiền. NHTW có trách nhiệm xác định phương thức và nguyên tắc phát hành tiền
- D. Giấy bạc và tiền kim khí do NHTW phát hành vào lưu thông là phương tiện thanh toán hợp pháp duy nhất và không hạn chế trong cả nước. NHTW có trách nhiệm xác định số lượng tiền cần phát hành và thời điểm phát hành.

ANSWER: A

Câu 12:

Hiện nay Việt Nam chủ yếu sử dụng phát hành tiền thông qua:

- A. Nghiệp vụ thị trường mở; và nghiệp vụ tín dụng với các NHTM
- B. Nghiệp vụ thị trường mở; và phát hành qua kênh cho vay đối với chính phủ
- C. Phát hành qua thị trường vàng và ngoại tệ; nghiệp vụ tín dụng với các NHTM
- D. Phát hành qua kênh cho vay đối với chính phủ; và nghiệp vụ tín dụng với các NHTM

ANSWER: A

Câu 13:

Trong điều kiện các yếu tố khác không đổi, chính sách tiền tệ mở rộng có xu hướng kích thích tăng trưởng kinh tế vàáp lực lạm phát.

- A. Tăng
- B. Giảm
- C. Không tác động
- D. Ổn định

ANSWER: A

Câu 14:

Với mục tiêu kiểm soát tăng trưởng nóng nền kinh tế và lạm phát, Fed phải đánh giá các chỉ số kinh tế trước khi đưa ra chính sách tiền tệ phù hợp. Trong đó,... không đóng vai trò chỉ báo lạm phát của nền kinh tế Mỹ.

- A. Chỉ số niềm tin người tiêu dùng
- B. Chỉ số giá nhà ở
- C. Chỉ số giá sản xuất và tiêu dùng
- D. Chỉ số giá dầu

ANSWER: A

Câu 15:

Trong trường hợp NHTW muốn điều hành chính sách tiền tệ để hướng tới mục tiêu kiểm chế lạm phát, NHTW có thể thực thi chính sách nào sau đây:

- A. Tăng dự trữ bắt buộc
- B. Mua chứng khoán trên thị trường mở
- C. Hạ lãi suất
- D. Tăng cho vay các NHTM

ANSWER: A

Câu 16:

Một NHTM nắm giữ một tín phiếu do Kho bạc phát hành và đem tín phiếu này đến chiết khấu tại NHTW, điều này khiến cho:

- A. Tổng số dư trên tài khoản dự trữ của NHTM này tăng lên
- B. Số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc của NHTM này tại NHTW giảm xuống
- C. Lượng cung tiền giảm xuống
- D. Lãi suất tăng lên

ANSWER: A

Câu 17:

..... là công cụ nợ ngắn hạn được phát hành từ các công ty nổi tiếng, đáng tin cậy và thường được phát hành để cung cấp tính thanh khoản hoặc tài trợ cho khoản đầu tư của công ty vào hàng tồn kho và các khoản phải thu.

- A. Thương phiếu
- B. Chứng chỉ quỹ đầu tư
- C. Một tín phiếu kho bạc
- D. Chứng chỉ tiền gửi khả nhượng

ANSWER: A

Câu 18:

City Corp mua T – Bill 180 ngày mệnh giá 500.000USD với giá 455.000USD, nhà đầu tư giữ trong 120 ngày và bán lại với giá 480.000USD. Suất sinh lợi yêu cầu theo năm của nhà đầu tư mua T-bill này là bao nhiêu?

- A. 16,7%
- B. 29,7%
- C. 29,67%
- D. 9,2%

ANSWER: A

Câu 19:

Một hợp đồng mua lại (REPO) được nhà đầu tư ban đầu mua với giá 975.000 USD, đồng thời đồng ý bán ngược lại vào ngày đáo hạn (Kỳ đáo hạn 90 ngày) với giá 1.000.000 USD, tính tỷ suất sinh lời đối với hợp đồng mua lại này:

- A. 10,25%
- B. 10,10%
- C. 11,02%
- D. 9,75%.

ANSWER: A

Câu 20:

John mua một NCDs cách đây một năm trên thị trường thứ cấp với giá 975.000\$, NCD này đáo hạn trong ngày hôm nay có giá trị 1.000.000\$ và John cũng nhận được 80.000\$ tiền lãi. Hãy tính tỷ suất sinh lợi của John từ việc đầu tư này.:

- A. 10,8%
- B. 11%
- C. 11,2%
- D. 10,50%

ANSWER: A

Câu 21:

Trái phiếu có thể chuyển đổi là gì?

- A. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu của công ty phát hành theo một tỷ lệ nhất định.
- B. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành tiền mặt bất kỳ lúc nào.
- C. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành các loại trái phiếu khác.
- D. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành vàng hoặc bạc.

ANSWER: A

Câu 22:

Định giá một trái phiếu dựa trên yếu tố nào?

- A. Lãi suất coupon, giá trị danh nghĩa, lãi suất thị trường, và thời gian đáo hạn.
- B. Lãi suất thị trường, giá trị danh nghĩa, và thời gian đáo hạn.
- C. Lãi suất coupon, lãi suất thị trường, và thời gian đáo hạn.
- D. Lãi suất coupon, giá trị danh nghĩa, và thời gian đáo hạn.

ANSWER: A

Câu 23:

Nếu một trái phiếu có thời gian đáo hạn là 10 năm, lãi suất coupon là 6%, và lãi suất thị trường là 8%, giá trị hiện tại của trái phiếu này sẽ như thế nào so với giá trị danh nghĩa?

- A. Thấp hơn giá trị danh nghĩa.
- B. Cao hơn giá trị danh nghĩa.
- C. Bằng giá trị danh nghĩa.
- D. Không thể xác định được.

ANSWER: A

Câu 24:

Một nhà đầu tư mua trái phiếu với giá trị hiện tại thấp hơn giá trị danh nghĩa của trái phiếu. Khi đáo hạn, nhà đầu tư nhận được số tiền bằng giá trị danh nghĩa. Khoản lợi nhuận này được gọi là gì?

- A. Lãi vốn (capital gain).
- B. Lãi suất coupon.
- C. Lợi tức đầu tư (return on investment).
- D. Lãi suất thị trường.

ANSWER: A

Câu 25:

Chọn đáp án chính xác nhất. Rủi ro khi đầu tư cổ phiếu là:

- A. Rủi ro hệ thống và rủi ro phi hệ thống
- B. Rủi ro thị trường
- C. Rủi ro lạm phát
- D. Hành vi tiêu cực trên thị trường

ANSWER: A

Câu 26:

Lạm phát tăng thường làm giá cổ phiếu giảm trong các điều kiện khác không đổi vì:

- A. Lợi nhuận thực giảm làm nhu cầu mua cổ phiếu giảm
- B. Lợi nhuận danh nghĩa giảm làm nhu cầu mua cổ phiếu giảm
- C. Lợi nhuận thực giảm làm lượng bán cổ phiếu giảm
- D. Chưa có cơ sở để kết luận trên

ANSWER: A

Câu 27:

Công ty cổ phần A (Mỹ) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm và thiết bị y tế. Trường hợp nào sau đây không phải là rủi ro hệ thống đối với công ty A:

- A. Giá nguyên liệu dược tại Mỹ tăng
- B. Nền kinh tế toàn cầu suy thoái
- C. Những biến động chính trị tại Mỹ
- D. Lạm phát Mỹ tăng cao

ANSWER: A

Câu 28:

Lợi nhuận khi đầu tư cổ phiếu là:

- A. Cổ tức nhận được hàng năm và lợi vốn do chênh lệch giá
- B. Cổ tức hàng năm
- C. Chênh lệch giá mua và giá bán
- D. Cổ tức cố định

ANSWER: A

Câu 29:

Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác:

- A. Sản phẩm phái sinh chỉ được giao dịch trên thị trường tập trung

- B. Công cụ phái sinh được sử dụng để đầu cơ hoặc phòng vệ rủi ro
 - C. Ủy ban chứng khoán có quyền cấp phép cho các hoạt động kinh doanh, giao dịch các sản phẩm phái sinh niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán
 - D. Hạn chế của giao dịch phái sinh trên OTC là rủi ro vỡ nợ
- ANSWER: A

Câu 30:

Các phát biểu nào sau đây đúng về hợp đồng kỳ hạn:

1. Không chuẩn hóa
2. Giao dịch không bắt buộc thực hiện
3. Giao dịch được thanh toán trong bất kỳ ngày nào trước ngày đáo hạn
4. Thời điểm giao hàng diễn ra trong tương lai
5. Giá cả và sản lượng được xác định ở hiện tại
6. Giá giao dịch bằng với giá giao ngay
7. Có thể áp dụng với hàng hóa hoặc công cụ tài chính

- A. 1, 4, 5, 7
 - B. 1, 3, 4, 5, 6
 - C. 4, 5, 7
 - D. 2, 3, 4, 5
- ANSWER: A

Câu 31:

Các phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng về hợp đồng tương lai

1. Là thỏa thuận đòi hỏi một bên của hợp đồng sẽ mua hoặc bán một hàng hoá nào đó tại một thời hạn xác định trong tương lai theo một mức giá đã định trước.
2. Là một dạng hợp đồng kỳ hạn đã được chuẩn hóa, niêm yết và giao dịch tại thị trường tập trung
3. Giao dịch theo giá bằng với giá giao ngay
4. Có tính thanh khoản thấp hơn hợp đồng kỳ hạn
5. Được giao dịch trên cả thị trường OTC và tập trung
6. Trung tâm thanh toán bù trừ đóng vai trò bên mua đối với người bán
7. Rủi ro vỡ nợ cao

- A. 3, 4, 5, 7
 - B. 1, 3, 5, 6
 - C. 2, 4, 5, 7
 - D. 2, 3, 4, 5, 6
- ANSWER: A

Câu 32:

Để thay đổi một quyết định mua hợp đồng tương lai, nhà đầu tư có thể làm gì?

- A. Đóng vị thế bằng cách bán hợp đồng tương lai tương ứng
- B. Đóng vị thế bằng cách mua hợp đồng tương lai tương ứng
- C. Gửi yêu cầu xin hủy hợp đồng cho Sở giao dịch chứng khoán và đóng phí hủy
- D. Thao tác hủy trên website giao dịch và đợi bên bán đồng ý

ANSWER: A

Câu 33:

Vốn tự có của ngân hàng thương mại bao gồm:

- A. Vốn cổ phần và lợi nhuận giữ lại
- B. Vốn cổ phần và tiền gửi khách hàng
- C. Vốn đi vay và lợi nhuận giữ lại
- D. Vốn đi vay và tiền gửi khách hàng

ANSWER: A

Câu 34:

Sử dụng hợp đồng kỳ hạn tiền tệ là một trong những biện pháp nhằm hạn chế rủi ro:

- A. Tỷ giá
- B. Thanh khoản
- C. Tín dụng
- D. Lãi suất

ANSWER: A

Câu 35:

So với cơ cấu tài sản của doanh nghiệp sản xuất ô tô, phát biểu nào sau đây đúng với ngân hàng thương mại

- A. Tỷ lệ tài sản cố định/tổng tài sản của ngân hàng thương mại thấp hơn.
- B. Tỷ lệ tài sản cố định/tổng tài sản của ngân hàng thương mại cao hơn.
- C. Tỷ lệ tài sản cố định/tổng tài sản của ngân hàng thương mại tương đương
- D. Ngân hàng thương mại không có tài sản cố định.

ANSWER: A

Câu 36:

Phương thức cho vay nào phù hợp với đối tượng khách hàng là doanh nghiệp cần vay vốn nhưng chưa xác định được thời điểm cần vay:

- A. Cho vay theo hạn mức tín dụng
- B. Cho vay theo món
- C. Cho vay tiêu dùng
- D. Cho vay bất động sản

ANSWER: A

Câu 37:

Cơ quan quản lý nào có chức năng quy định, ngăn chặn các hành vi bất hợp pháp, bất công đảm bảo cho các giao dịch của khách hàng với công ty chứng khoán được an toàn?

- A. Sở giao dịch chứng khoán
- B. Công ty chứng khoán
- C. Chi cục Thuế
- D. Ngân hàng trung ương

ANSWER: A

Câu 38:

Độ nhạy lãi suất của trái phiếu phụ thuộc vào thời gian đáo hạn, vì vậy quỹ trái phiếu thường được phân đoạn theo:

- A. Thời gian đáo hạn của trái phiếu
- B. Lợi tức trái phiếu
- C. Rủi ro lãi suất
- D. Rủi ro tín dụng

ANSWER: A

Câu 39:

Quỹ hỗ trợ trả lợi nhuận cho cổ đông bằng cách thức nào?

- A. Chi trả cổ tức, lãi vốn của bán chứng khoán trong danh mục đầu tư, sự tăng giá cổ phiếu của quỹ.
- B. Chi trả lãi trái phiếu, lãi vốn của bán chứng khoán trong danh mục đầu tư, sự tăng giá cổ phiếu của quỹ.
- C. Chi trả cổ tức, lãi vốn của bán chứng khoán trong danh mục đầu tư, chênh lệch đánh giá lại tài sản
- D. Chi trả cổ tức, lãi vốn của bán chứng khoán trong danh mục đầu tư, chênh lệch đánh giá lại tỷ giá

ANSWER: A

Câu 40:

Định chế tài chính cạnh tranh trực tiếp với công ty chứng khoán khi cung cấp dịch vụ tư vấn sáp nhập?

- A. Ngân hàng thương mại
- B. Công ty bảo hiểm
- C. Quỹ hỗ trợ
- D. Quỹ hưu trí

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu hỏi; 1 điểm/câu hỏi)**Câu hỏi 1: (1 điểm)**

Phân tích vai trò của NHTM.

Câu hỏi 2: (1 điểm)

Phân tích ưu, nhược điểm của mô hình NHTW độc lập với Chính phủ?

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		8.0	
Câu 1 – 40	A	0.2	
II. Tự luận		2.0	
Câu 1	Vai trò của NHTM: 1. Điều tiết nguồn vốn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho nền kinh tế: nhờ hoạt động của NHTM mà nguồn vốn nhàn rỗi trong nền kinh tế hợp lại thành nguồn vốn lớn phục vụ cho đời sống xã hội và phát triển kinh tế. NHTM trở thành kênh chu chuyển vốn	1.0	

	<p>quan trọng trong nền kinh tế, cung ứng vốn cho các chủ thể cần vốn, thúc đẩy cho nền kinh tế phát triển. (0.25đ)</p> <p>2. Tạo điều kiện thúc đẩy thị trường tài chính phát triển: hoạt động của NHTM vừa mang tính cạnh tranh nhưng cũng vừa có tác động hỗ trợ đến các hoạt động khác trong lĩnh vực tài chính như: thị trường chứng khoán, bảo hiểm... NHTM ngày càng phát triển và hoàn thiện thì càng có nhiều dịch vụ hỗ trợ cho các hoạt động trên. Ngược lại, sự phát triển phong phú và đa dạng của các sản phẩm trên thị trường tài chính sẽ tác động đến sự phát triển của các sản phẩm của NHTM, xuất hiện sự kết hợp và bán chéo sản phẩm của NHTM với các định chế tài chính khác như: công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty tài chính và quỹ đầu tư... góp phần gia tăng doanh số giao dịch của thị trường tài chính.(0.5đ)</p> <p>3. Góp phần thực thi chính sách tiền tệ quốc gia: Ngân hàng trung ương là cơ quan xây dựng và điều hành chính sách tiền tệ (CSTT), nhưng để thực thi CSTT NHTW phải sử dụng các công cụ như: dự trữ bắt buộc, lãi suất, tái cấp vốn, thị trường mở... tác động trực tiếp lên hoạt động kinh doanh của NHTM, thay đổi tăng hoặc giảm khối lượng tiền tệ trong nền kinh tế, góp phần bình ổn lưu thông tiền tệ của quốc gia, kiểm soát lạm phát. (0.25đ)</p>		
<p>Câu 2</p>	<p><i>Ưu điểm:</i> NHTW toàn quyền quyết định việc xây dựng và thực hiện CSTT mà không bị ảnh hưởng bởi các áp lực chi tiêu của ngân sách hoặc các áp lực chính trị khác; (0.25đ) Tăng tính chủ động và giảm độ trễ của CSTT nhằm đạt được các mục tiêu như kiểm soát lạm phát, ổn định hệ thống tài chính; (0.25đ) Tự chủ về tổ chức và cơ cấu tài chính nhân sự nhằm tăng hiệu quả hoạt động của NHTW. (0.25đ)</p> <p><i>Nhược điểm:</i></p>	<p>1</p>	

	Khó có sự kết hợp hài hòa giữa chính sách tiền tệ (do NHTW thực hiện) và chính sách tài khoá (do Chính phủ chi phối) để quản lý vĩ mô một cách hiệu quả. (0.25đ)		
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 07 năm 2024

Giảng viên ra đề

Mai Thanh Loan

Nguyễn Ngọc Tú Vân